SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 28/03/2024 16:12:56

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ Số: 656/QĐ-UBND	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời gian, mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 65/TTr-SNN ngày 26 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024 theo danh sách đính kèm.

Điều 2: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Trưởng Ban dân tộc và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT(TTA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Sỹ Đồng

Phụ lục

Danh sách vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn thiếu nước ngọt và sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 656 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
A	**HUYỆN HƯỚNG HÓA**		
a	***Xã khu vực III***		
I	**Xã Ba Tầng**		
1		Ba Lòng	
2		Ba Tầng	
3		Loa	
4		Trùm	
5		Hùn	
6		Vầng	
7		Măng Sông	
II	**Xã A Dơi**		
1		Đồng Tâm	
2		Proi Xy	
3		Prin Thành	
4		Xa Doan	
5		A Dơi Cô	
6		A Dơi Đớ	
III	**Xã Xy**		
1		Troan La Reo	
2		Ra Po	
3		Ra Man	
IV	**Xã Thanh**		
1		Ba Viêng	
2		Bản 10	
3		A Ho	
4		Thanh 1	
5		Thanh Ô	
6		Thôn Mới	
V	**Xã Thuận**		
1		Thuận 1	

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
2		Thuận 2	
3		Thuận 3	
4		Thuận 4	
5		Thuận 5	
6		Bản 7	
7		Thuận Hòa	
8		Úp Ly 2	
VI	**Xã Hướng Phùng**		
1		Cợp	
2		Cổ Nhổi	
3		Xa Ry	
4		Chênh Vênh	
5		Mã Lai Pun	
6		Doa Củ	
7		Bụt Việt	
8		Đại Độ	
9		Cheng	
10		Hướng Hải	
11		Hướng Phú	
12		Phùng Lâm	
13		Hướng Choa	
VII	**Xã Hướng Việt**		
1		Ka Tiêng	
2		Tà Rùng	
3		Xa Đưng	
4		Trăng - Tà Puồng	
VIII	**Xã Hướng Lập**		
1		A Xóc - Cha Lỳ	
2		Sê pu - Tà Păng	
3		Cựp - Cuôi	
4		Tri	
5		Cù Bai	
IX	**Xã Lìa**		
1		A Xóc Lìa	
2		Tăng Cô Hang	
3		A Xói Hang	

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
4		A Xau	
5		Kỳ Nơi	
6		A Rông	
7		Kỳ Tăng	
8		A Quan	
9		A Máy	
10		A Môr	
X	**Xã Hướng Lộc**		
1		Ta Xía	
2		Cu Ty	
3		Của	
4		Ra Ty	
5		Trằm Cheng	
6		Cu Ta Ka	
XI	**Xã Húc**		
1		Ván Ri	
2		Ta Ri 2	
3		Ho Le	
4		Húc Thượng	
5		Ta Núc	
6		Ta Rùng	
7		Cu Dông	
8		Ta Cu	
XII	**Xã Hướng Linh**		
1		Xa Bai	
2		Hoong Mới	
3		Cooc	
4		Miệt - Pa Công	
5		Miệt Cũ	
XIII	**Xã Hướng Sơn**		
1		Ra Ly - Rào	
2		Nguồn rào - Pin	
3		Hồ	
4		Mới	
5		Trĩa	
6		Cát	

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
XIV	**Xã Hướng Tân**		
1		Trằm	
2		Của	
3		Tân Linh	
4		Tân Vĩnh	
5		Xa Re	
6		Ruộng	
7		Xa Rường	
b	***Thôn đặc biệt khó khăn***		
I	**TT Khe Sanh**		
1		Khối 6	
II	**Tân Hợp**		
1		Tà Đủ	
III	**Tân Lập**		
1		Bản Bù	
IV	**Tân Long**		
1		Xi Núc	
V	**Tân Thành**		
1		Hà Lệt	
B	**HUYỆN ĐAKRÔNG**		
a	***Xã khu vực III***		
I	**Xã A Vao**		
1		A Vao	
2		Ra Ró	
3		Tân Đi 1	
4		Tân Đi 2	
5		Tân Đi 3	
6		Pa Ling	
II	**Xã A Bung**		
1		Cù Tài 2	
2		A Bung	
3		Ty Nê	
4		Cựp	
5		Pi Re 1	Thôn 6
6		Pi Re 2	Thôn 7
III	**Xã A Ngo**		

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
1		La Lay	
2		A Đeng	
3		A Ngo	
4		A La	
5		Kỳ Neh	
6		A Rông trên	
7		A Rông dưới	
IV	**Xã Tà Rụt**		
1		A Pun	
2		A Đăng	
3		A Liêng	
4		Tà Rụt 1	
V	**Xã Húc Nghì**		
1		Húc Nghì	
2		Cựp	
3		La Tó	
4		Thôn 37	
VI	**Xã Tà Long**		
1		Trại Cá	
2		Pa Hy	
3		Tà Lao	
4		Ly Tôn	
5		Chai	
6		Pa Ngày	
7		Xi Pa	
8		Ngược	
VII	**Xã Ba Nang**		
1		Ra Lây	
2		Ba Nang	
3		Đá Bàn	
4		Ra Poong	
5		Sa Trầm	
VIII	**Xã Đakrông**		
1		Klu	
2		Vùng Kho	
3		Chân Rò	

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
4		Làng Cát	
5		Xa Lăng	
6		Pa Tầng	
7		Tà Lêng	
8		Khe Ngài	
IX	**Xã Mò Ó**		
1		Khe Luồi	
2		Đồng Đờng	
X	**Xã Hướng Hiệp**		
1		Phú An	
2		Ruộng	
3		Khe Hà	
4		Gia Giã	
5		Xa Vi	
b	***Thôn đặc biệt khó khăn***		
I	**Xã Ba Lòng**		
1		Thôn 5	
2		Mai Sơn	
C	**HUYỆN GIO LINH**		
	Xã khu vực III		
I	**Xã Linh Trường**		
1		Cù Đinh	
2		Ba Ze	
3		Bến Hà	
4		Đồng Zôn	
5		Bến Tắt	
6		Trường Hải	
7		Trường Thành	
8		Khe Me	
9		Sông Ngân	
D	**HUYỆN VĨNH LINH**		
	Xã khu vực III		
I	**Xã Vĩnh Ô**		
1		Xóm Mới	
2		Xà Lời	
3		Mích	

TT	Tên địa bàn	Thôn, bản	Ghi chú
II	**Xã Vĩnh Khê**		
1		Khe Cát	
2		Mới	
3		Xung Phong	
	Thôn đặc biệt khó khăn		
I	**Xã Vĩnh Hà**		
1		Thôn Bãi Hà Mới	
2		Thôn Khe Hó Trù	
E	**HUYỆN ĐẢO CỒN CỎ**		